

STT	Lớp 11	MSHS 22-23	Lớp 10 21-22	Họ và tên HS	NỮ	ĐIỂM TBM	Danh hiệu
01	B01	B01-01	C07-01	Mai Thanh Thùy An	x	8.70	HSG
02	B01	B01-02	C07-02	Nguyễn Hoài An	x	8.10	HSTT
03	B01	B01-03	C01-04	Bùi Lê Trâm Anh	x	8.30	HSTT
04	B01	B01-04	C07-04	Nguyễn Phương Anh	x	7.10	
05	B01	B01-05	C06-01	Cao Thanh Ân	x	7.80	HSTT
06	B01	B01-06	C07-13	Nguyễn Hồng Hà	x	8.10	HSTT
07	B01	B01-07	C07-14	Nguyễn Lê Ngọc Hà	x	7.80	HSTT
08	B01	B01-08	C01-12	Nguyễn Đỗ Gia Hân	x	8.50	HSTT
09	B01	B01-09	C01-13	Trần Ngọc Hân	x	7.90	HSTT
10	B01	B01-10	C01-15	Trần Anh Hậu		7.40	HSTT
11	B01	B01-11	C01-17	Trần Hiếu		7.60	
12	B01	B01-12	C01-20	Nguyễn Đỗ Phi Lam	x	7.90	
13	B01	B01-13	C07-24	Trần Nguyễn Thành Lợi		8.40	HSTT
14	B01	B01-14	C06-14	Phạm Thị Ngọc Mai	x	8.00	HSTT
15	B01	B01-15	C01-23	Trương Thị Hồng Mai	x	8.40	HSTT
16	B01	B01-16	C07-26	Phạm Văn Minh		8.30	HSTT
17	B01	B01-17	C06-20	Hà Mai Minh Ngân	x	7.40	HSTT
18	B01	B01-18	C06-19	Trương Tuyết Ngân	x	8.40	HSTT
19	B01	B01-19	C06-26	Lê Hoàng Ngọc	x	8.40	HSTT
20	B01	B01-20	C07-28	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	x	8.10	HSTT
21	B01	B01-21	C06-24	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	x	8.60	HSTT
22	B01	B01-22	C06-22	Võ Uyên Hồng Ngọc	x	8.20	HSTT
23	B01	B01-23	C01-26	Huỳnh Bội Như	x	8.00	HSTT
24	B01	B01-24	C06-31	Huỳnh Ngọc Như		7.90	HSTT
25	B01	B01-25	C06-29	Nguyễn Thị Quỳnh Như	x	8.20	HSTT
26	B01	B01-26	C07-31	Lương Thành Phát		7.60	HSTT
27	B01	B01-27	C01-29	Trần Tường Phước		7.70	HSTT
28	B01	B01-28	C06-35	Dương Thúy Quỳnh	x	7.40	
29	B01	B01-29	C07-33	Võ Hoàng Như Quỳnh	x	8.20	HSTT
30	B01	B01-30	C06-36	Nguyễn Song		6.90	HSTT
31	B01	B01-31	C06-38	Nguyễn Ngọc Thùy	x	8.00	HSTT
32	B01	B01-32	C01-36	Đào Nguyễn Minh Thư	x	8.40	HSG
33	B01	B01-33	C07-38	Dương Quách Kim Thy	x	8.50	HSTT
34	B01	B01-34	C01-41	Trần Thị Thu Trang	x	8.20	HSTT
35	B01	B01-35	C07-39	Nguyễn Quỳnh Trâm	x	7.70	HSTT
36	B01	B01-36	C06-40	Lê Thụy Bảo Trân	x	8.20	HSTT
37	B01	B01-37	C07-40	Trần Thị Thùy Trinh	x	8.20	
38	B01	B01-38	C06-44	Trần Ngọc Tuyết Vân	x	7.90	HSTT
39	B01	B01-39	C01-43	Châu Thị Hải Yến	x	8.00	HSTT
40	B01	B01-40	C07-45	Lê Huỳnh Hải Yến	x	7.90	
41	B01	B01-41	C01-44	Nguyễn Khanh Bảo Châu	x	5.50	
42	B01	B01-42	C01-45	Nguyễn Tiên Đạt		6.50	